

Bản án số: 545/2022/HNGĐ-ST.

Ngày: 30/12/2022

V/v: Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Quang Long

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chấn

Ông Lê Công Đoàn

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện G, Thành phố Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ánh Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 12 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, thành phố Hà Nội xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 459/2022/TLST- HNGĐ ngày 04 tháng 11 năm 2022 về tranh chấp “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 68/2021/QĐXX-HNGĐ ngày 12 tháng 07 năm 2021, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Hương L, sinh năm 1995; Tạm trú: Thôn N, xã L1, huyện V, tỉnh Hưng Yên. Hộ khẩu thường trú tại: Khu phố N1, phường Đ, thị xã B, tỉnh Thanh Hóa. Có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Anh Lê Tiến Q, sinh năm 1981; Trú tại: Thôn Y, xã D, huyện G, Hà Nội. Có đơn xin xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 09/3/2021 và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Lê Hương L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân và tình cảm vợ chồng: Chị Lê Hương L và anh Lê Tiến Q tự nguyện đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện G, Hà Nội ngày 16/09/2016.

Sau khi cưới vợ chồng sống chung hạnh phúc đến năm 2019 thì anh Lê Tiến Q xảy ra tai nạn giao thông nên ảnh hưởng đến sức khỏe và việc làm nên kinh tế gia

đình trở nên khó khăn hơn. Trong hai năm chăm sóc sức khỏe cho chồng thì năm 2021, chị L xin phép đi làm ăn xa nên đưa con ra ngoài ở trọ tại Hưng Yên và ít có thời gian về thăm chồng hơn. Tình cảm vợ chồng lâu ngày cũng nhạt phai, chị và anh Q sống ly thân đã gần hai năm. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng đã hết nên, không thể hàn gắn nên chị đề nghị được ly hôn với anh Lê Tiến Q.

Về con chung: Chị L và anh Lê Tiến Q có 01 con chung là cháu Lê Tiến Quang P, sinh ngày 24/11/2018. Khi ly hôn, chị đề nghị được tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con, chị không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con vì hiện tại sau tai nạn giao thông, anh Q cần tập trung để hồi phục sức khỏe.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn trong vụ án anh Lê Tiến Q có lời khai trình bày: Anh thống nhất về thời gian cưới, chung sống, kết hôn và về tên, tuổi của con chung mà chị L đã trình bày.

Anh Q cho biết sau khi cưới vợ chồng anh chung sống hạnh phúc đến năm 2019 thì anh không đem lại hạnh phúc cho chị L được nữa. Nguyên nhân do anh bị tai nạn giao thông khiến sức khỏe giảm sút, kinh tế gia đình cũng trở nên khó khăn. Chị L đã đưa con ra ngoài sống ly thân từ năm 2021 đến nay. Nay anh xác định tình cảm vợ chồng đã hết, chị L làm đơn ly hôn, anh đồng ý ly hôn để giải phóng cho chị L lo cuộc sống mới.

Về việc nuôi con chung: Anh Q đồng ý để chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng, dạy bảo con chung là cháu Lê Tiến Quang P, sinh năm 2018. Anh mong muốn chị L thỉnh thoảng, ngày lễ Tết cho con về thăm bố và bà nội.

Về tài sản chung: Anh Q xác định không có và không yêu cầu tòa án giải quyết.

Ngoài ra, anh Q có đơn trình bày do việc đi lại của anh gặp khó khăn nên anh đề nghị Tòa án xét xử vụ án ly hôn vắng mặt anh.

Bà Dương Thị C và chị Lê Thị L1 là mẹ đẻ và chị gái anh Lê Tiến Q có lời khai đều xác định về việc chị Lê Hương L và anh Lê Tiến Q đã sống ly thân từ tháng 10/2021 đến nay, cả hai bên đã thống nhất ly hôn, thống nhất để chị L tiếp tục nuôi con chung và không tranh chấp tài sản nên bà C và chị L1 đề nghị Tòa án xem xét giải quyết ly hôn cho chị L và anh Q đồng thời đề nghị giải quyết vụ án vắng mặt anh Q.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Chủ tọa phiên tòa, Hội thẩm nhân dân, Thư ký thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn được quy định tại Điều 48, Điều 49,

Điều 51 BLTTDS năm 2015. Phiên tòa diễn ra đúng thời gian, địa điểm được thông báo. Quá trình xét xử tuân thủ đúng trình tự quy định tại BLTTDS năm 2015. Đương sự trong vụ án, nguyên đơn, bị đơn chấp hành các quy định của pháp luật, bị đơn có đơn xin xử vắng mặt.

* Về nội dung vụ án: Hôn nhân của chị Lê Hương L và anh Lê Tiến Q là hợp pháp. Nay chị Lê Hương L và anh Lê Tiến Q đều xác định vợ chồng đã ly thân từ năm 2021, tình cảm vợ chồng không còn khả năng và thống nhất ly hôn. Vì vậy cần xem xét chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Hương L.

Về con chung: Ghi nhận sự tự nguyện thống nhất của hai bên, đề nghị giao cháu Lê Tiến Quang P, sinh năm 2018 cho chị L tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Q.

Về tài sản chung: Hai bên không yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét.

Về án phí: Áp dụng Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội để giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công khai và xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật tranh chấp, chị Lê Hương L yêu cầu xin ly hôn với anh Lê Tiến Q, giải quyết nuôi con chung khi ly hôn nên quan hệ pháp luật giải quyết trong vụ án là “ Tranh chấp ly hôn và nuôi con chung”.

Bị đơn anh Lê Tiến Q đang sinh sống và đăng ký hộ khẩu tại xã D, huyện G, Hà Nội, do vậy căn cứ Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện G thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Tiến Q đã được tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, anh Q có đơn xin xử vắng mặt có lý do chính đáng. Vì vậy, Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn là đúng quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án, giải quyết yêu cầu của đương sự:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Hương L và anh Lê Tiến Q tự nguyện kết hôn ngày 16/9/2016 có đăng ký kết hôn tại UBND xã D, huyện G, Hà Nội, do vậy việc kết hôn là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Hương L với anh Lê Tiến Q, Hội đồng xét xử thấy rằng: Cả hai anh chị đều thừa nhận là sau khi cưới đến năm 2019, anh Q bị tai nạn giao thông, sức khỏe giảm sút, kinh tế gia đình khó khăn hơn, chị L đã ra ngoài đi làm, sống ly thân với anh Q gần hai năm nay. Anh Q xác định không còn mang lại hạnh phúc cho chị L nên chị L yêu cầu ly hôn thì anh đồng ý ly hôn. Do vậy, cần ghi nhận sự tự nguyện ly hôn của chị Lê Hương L và anh Lê Tiến Q và giải quyết cho anh chị được ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình 2014.

[2.2]. Giải quyết nuôi con chung: Chị Lê Hương L và anh Lê Tiến Q thống nhất để chị L tiếp tục nuôi con chung là cháu Lê Tiến Quang P, sinh ngày 24/11/2018. Do anh Q cần tập trung hồi phục sức khỏe sau tai nạn giao thông nên chị Lê Hương L không yêu cầu anh Q cấp dưỡng nuôi con. Hai bên tự nguyện, thống nhất việc giao nuôi con và không yêu cầu cấp dưỡng là phù hợp với thực tế và không trái pháp luật nên cần ghi nhận.

[2.4]. Về tài sản chung: Chị Lê Hương L và anh Lê Tiến Q không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên không đặt vấn đề giải quyết.

3. Về án phí và quyền kháng cáo:

Chị Lê Hương L là người có đơn yêu cầu giải quyết ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Các Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 271; Điều 273; khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các Điều 19; Điều 55; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa ngày 30/12/2016.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lê Hương L. Ghi nhận sự tự nguyện thuận tình ly hôn của chị Lê Hương L và anh Lê Tiến Q.

2. Về con chung: Giao cho chị Lê Hương L được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Lê Tiến Quang P, sinh ngày 24/11/2018. Tạm hoãn

nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với anh Q kể từ khi ly hôn đến khi cháu P đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu thay đổi khác.

Anh Lê Tiến Q có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Tài sản chung vợ chồng: Chị L và anh Q không yêu cầu nên không đặt vấn đề giải quyết.

4. Án phí: Chị Lê Hương L phải chịu toàn bộ 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm. Chị L đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai số AA/2010/0073665 ngày 04/11/2022 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G chuyển thành án phí ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Báo cho nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết theo luật định.

Nơi nhận:

- UBND nơi các đương sự cư trú;
- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện G;
- THADS huyện G;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Vũ Quang Long

